

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

**Gói thầu: 07PTV-SXKD-2024: Đánh giá tác động môi trường định kỳ (ĐTM)
Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4.**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI

Căn cứ quyết định số 378/QĐ-EVNGENCO1 ngày 27/9/2019 Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Phát điện 1 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Thủy điện Đồng Nai;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc Hội khóa XV;

Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15/02/2024 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-HĐTV ngày 15/12/2022 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Phát điện 1 về việc ban hành Quy định phân cấp trong Tổng công ty Phát điện 1;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ- EVNGENCO1 ngày 23/3/2023 của Tổng công ty Phát điện 1 quy định phân cấp, ủy quyền của Tổng giám đốc Tổng công ty Phát điện 1 cho Người đứng đầu các Đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-EVN ngày 01/10/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam “V/v: Ban hành Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-EVNGENCO1 ngày 06/12/2023 của Tổng công ty Phát điện 1 về việc tạm giao chi phí sản xuất kinh doanh điện năm 2024 – Công ty Thủy điện Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-TĐĐN ngày 18/01/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ SXKD điện (đợt 1) năm 2024 – Công ty Thủy điện Đồng Nai;

Căn cứ tờ trình số 28/XT ngày 28/2/2024 của Tổ chuyên gia xét thầu về việc trình Trình duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: 07PTV-SXKD-2024: Đánh giá tác động môi trường định kỳ (ĐTM) Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định đấu thầu tại Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: 07PTV-SXKD-2024: Đánh giá tác động môi trường định kỳ (ĐTM) Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4 số 66/TDDT ngày 01/03/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: 07PTV-SXKD-2024: Đánh giá tác động môi trường định kỳ (ĐTM) Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4, với các nội dung chính như sau:

1.1 - Đơn vị trúng thầu: Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch.

1.2 - Giá trúng thầu: 69.896.000 đồng

(Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

(Chi tiết xem phụ lục đính kèm.)

1.3 - Địa điểm thực hiện: Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4.

1.4 - Loại hợp đồng : Hợp đồng trọn gói

1.5 - Thời gian thực hiện Hợp đồng: 300 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

1.6 - Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị Hợp đồng.

1.7 - Phạm vi công việc: Theo HSMT được duyệt tại Quyết định số 75/QĐ-TĐĐN ngày 05/2/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai.

Điều 2. Giao cho Phòng Kế hoạch và Vật tư, Phòng Tài chính và Kế toán, Phòng Hành chính và Lao động và các phòng chức năng liên quan chịu trách nhiệm mời Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch đến ký và thực hiện hợp đồng với giá trị không vượt quá giá trị trúng thầu, trên cơ sở các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Phó Giám đốc và Trưởng các phòng/Phân xưởng của Công ty căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KH.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Vĩnh

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ

Đính kèm quyết định số /QĐ-TĐĐN ngày /03/2024
về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu:

07PTV-SXKD-2024: Đánh giá tác động môi trường định kỳ (DTM) Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Đánh giá tác động môi trường định kỳ - kỳ 1 tháng 02/2024 - NMTĐ Đồng Nai 3				4.500.000
1	Quan trắc dòng chảy và giám sát môi trường:	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000
	- Quan trắc các yếu tố khí tượng như nhiệt độ, mưa, độ ẩm,...phục vụ dự báo lũ và vận hành hồ chứa;				
	- Quan trắc, giám sát việc thay đổi chế độ thủy văn (lưu lượng, vận tốc dòng chảy, phù sa, mực nước); chất lượng nước vào hồ; nước sau đập.				
2	Quan trắc môi trường kinh tế xã hội:	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000
	- Giám sát quá trình đền bù và hỗ trợ vùng tái định cư;				
	- Biến đổi kinh tế xã hội ở vùng tái định cư và vùng ven hồ, theo thống kê của địa phương hàng năm và kết hợp phiếu điều tra.				
	- Sức khỏe cộng đồng và vector dịch bệnh vùng các xã ven hồ chứa.				
3	Quan trắc môi trường sinh thái.	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000
- Phân tích mẫu thực vật phù du, động vật phù du, tảo, động vật đáy.					
- Quan trắc kiểm soát ô nhiễm: Kiểm soát dân canh tác ven hồ, nhất là sử dụng hóa chất nông nghiệp, nước thải sinh hoạt, công nghiệp vào hồ..					
II	Phân tích mẫu: Phân tích chất lượng nước hồ và hạ lưu nhà máy				1.624.000

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Nhiệt độ, pH	Mẫu	2	60.000	120.000
2	Oxy hòa tan (DO)	Mẫu	2	104.000	208.000
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Mẫu	2	104.000	208.000
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	Mẫu	2	120.000	240.000
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5)	Mẫu	2	200.000	400.000
6	Phosphat (PO43-)	Mẫu	2	84.000	168.000
7	Nitrate (NO3-)	Mẫu	2	140.000	280.000
III	Đánh giá tác động môi trường định kỳ - kỳ 1 tháng 02/2024 - NMTĐ Đồng Nai 4				4.500.000
1	Quan trắc dòng chảy và giám sát môi trường:	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000
	- Quan trắc các yếu tố khí tượng như nhiệt độ, mưa, độ ẩm,...phục vụ dự báo lũ và vận hành hồ chứa;				
	- Quan trắc dòng chảy, mực nước một số điểm hạ lưu sau nhà máy trạm Tà lài;				
	- Quan trắc chất lượng nước vào hồ;				
	- Quan trắc chất lượng nước sau đập.				
2	Quan trắc môi trường kinh tế xã hội:	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000
	- Giám sát quá trình đền bù và hỗ trợ vùng tái định cư;				
	- Biến đổi kinh tế xã hội ở vùng tái định cư và vùng ven hồ, theo thống kê của địa phương hàng năm và kết hợp phiếu điều tra.				
	- Sức khỏe cộng đồng và vector dịch bệnh vùng các xã ven hồ chứa.				
3	Quan trắc môi trường sinh thái:	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	- Chế độ thủy văn gồm mẫu nước, lưu lượng dòng chảy, trạng thái tự nhiên của Bàu Sấu để có giải pháp thích hợp kịp thời khuyến cáo, xử lý; - Kiểm soát dân canh tác ven hồ, nhất là sử dụng hóa chất nông nghiệp, nước thải sinh hoạt, công nghiệp vào hồ.				
IV	Phân tích mẫu: Phân tích chất lượng nước hồ và hạ lưu nhà máy				2.624.000
1	Nhiệt độ, pH	Mẫu	2	60.000	120.000
2	Oxy hòa tan (DO)	Mẫu	2	104.000	208.000
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Mẫu	2	104.000	208.000
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	Mẫu	2	120.000	240.000
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5)	Mẫu	2	200.000	400.000
6	Phosphat (PO43-)	Mẫu	2	84.000	168.000
7	Nitrate (NO3-)	Mẫu	2	140.000	280.000
8	Nguồn hydrosulfide và Methan sau đập	Mẫu	2	500.000	1.000.000
V	KHẢO SÁT, THU THẬP, LẤY MẪU				21.700.000
1	Thuê xe thu thập lấy mẫu môi trường (lấy mẫu tại Công trình thủy điện ĐN3 và ĐN4)	Chuyến	1	9.050.000	9.050.000
2	Thuê xe thu thập thông tin, số liệu tại các đơn vị chức năng: thu thập tại các xã Đăk Nia, Quảng Khê, Đăk Som Huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông; xã Tân Thanh Huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; xã Đình Trang Thượng Huyện Di Linh; Lộc Lâm, Lộc Bảo huyện Bảo Lâm Tỉnh Lâm Đồng và các địa phương liên quan	Chuyến	1	9.050.000	9.050.000

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
3	Công lấy mẫu, thu thập số liệu (2 người/6 ngày)	Công	12	300.000	3.600.000
VI	Đánh giá tác động môi trường định kỳ - kỳ 2 tháng 08/2024 - NMTĐ Đồng Nai 3				4.500.000
1	Quan trắc dòng chảy và giám sát môi trường:	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000
	- Quan trắc các yếu tố khí tượng như nhiệt độ, mưa, độ ẩm,... phục vụ dự báo lũ và vận hành hồ chứa; Quan trắc, giám sát việc thay đổi chế độ thủy văn (lưu lượng, vận tốc dòng chảy, phù sa, mực nước); chất lượng nước vào hồ; chất lượng nước sau đập.				
2	Quan trắc môi trường kinh tế xã hội:	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000
	- Giám sát quá trình đền bù và hỗ trợ vùng tái định cư; - Biến đổi kinh tế xã hội ở vùng tái định cư và vùng ven hồ, theo thống kê của địa phương hàng năm và kết hợp phiếu điều tra.				
3	Quan trắc môi trường sinh thái. PT mẫu thực vật phù du phù du, động vật phù du, tảo, động vật đáy; Nghiên cứu về cá trong hồ, sông theo thành phần loài, lượng cá thể; động vật hoang dã; thay đổi lớp phủ thực vật: Độ phủ, thành phần loài, tốc độ tăng trưởng; Quan trắc kiểm soát ô nhiễm:	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000
VII	Phân tích mẫu: Phân tích chất lượng nước hồ và hạ lưu nhà máy				2.124.000
1	Nhiệt độ, pH	Mẫu	2	60.000	120.000
2	Oxy hòa tan (DO)	Mẫu	2	104.000	208.000
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Mẫu	2	104.000	208.000
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	Mẫu	2	120.000	240.000

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5)	Mẫu	2	200.000	400.000
6	Phosphat (PO43-)	Mẫu	2	84.000	168.000
7	Nitrate (NO3-)	Mẫu	2	140.000	280.000
8	Nguồn hydrosufide và Methan sau đập	Mẫu	1	500.000	500.000
VIII	Đánh giá tác động môi trường định kỳ - kỳ 2 tháng 08/2024 - NMTĐ Đồng Nai 4				4.500.000
1	Quan trắc dòng chảy và giám sát môi trường:	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000
	- Quan trắc các yếu tố khí tượng như nhiệt độ, mưa, độ ẩm,...phục vụ dự báo lũ và vận hành hồ chứa;				
	- Giám sát việc thay đổi chế độ thủy văn (lưu lượng, vận tốc dòng chảy, phù sa, mực nước); chất lượng nước vào hồ; chất lượng nước sau đập.				
2	Quan trắc môi trường kinh tế xã hội:	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000
	- Giám sát quá trình đền bù và hỗ trợ vùng tái định cư;				
	- Biến đổi kinh tế xã hội ở vùng tái định cư và vùng ven hồ, theo thống kê của địa phương hàng năm và kết hợp phiếu điều tra.				
3	Quan trắc môi trường sinh thái:	Chuyên đề	1	1.500.000	1.500.000
	- Chế độ thủy văn gồm mẫu nước, lưu lượng dòng chảy, trạng thái tự nhiên của Bàu Sấu để có giải pháp thích hợp kịp thời khuyến cáo, xử lý;				
	- Kiểm soát dân canh tác ven hồ, nhất là sử dụng hóa chất nông nghiệp, nước thải sinh hoạt, công nghiệp vào hồ.				
IX	Phân tích mẫu: Phân tích chất lượng nước hồ và hạ lưu nhà máy				2.124.000

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Nhiệt độ, pH	Mẫu	2	60.000	120.000
2	Oxy hòa tan (DO)	Mẫu	2	104.000	208.000
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Mẫu	2	104.000	208.000
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	Mẫu	2	120.000	240.000
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5)	Mẫu	2	200.000	400.000
6	Phosphat (PO43-)	Mẫu	2	84.000	168.000
7	Nitrate (NO3-)	Mẫu	2	140.000	280.000
8	Nguồn hydrosufide và Methan sau đập	Mẫu	1	500.000	500.000
X	KHẢO SÁT, THU THẬP, LẤY MẪU				21.700.000
1	Thuê xe thu thập lấy mẫu môi trường (lấy mẫu tại Công trình thủy điện ĐN3 và ĐN4)	Chuyến	1	9.050.000	9.050.000
2	Thuê xe thu thập thông tin, số liệu tại các đơn vị chức năng: thu thập tại các xã Đắc Nia, Quảng Khê, Đắc Som Huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông; xã Tân Thanh Huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; xã Đinh Trang Thượng Huyện Di Linh; Lộc Lâm, Lộc Bảo huyện Bảo Lâm Tỉnh Lâm Đồng và các địa phương liên quan	Chuyến	1	9.050.000	9.050.000
3	Công lấy mẫu, thu thập số liệu (2 người/6 ngày)	Công	12	300.000	3.600.000
Cộng giá trị hợp đồng sau thuế					69.896.000
Giá trị hợp đồng trước thuế					64.718.519
Thuế VAT					5.177.481